

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-PT

Ngày: 21.02.2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Bà Võ Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoàng - Thư ký TAND tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo B và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2019/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. B, sinh năm 1989 tại QN; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: S (chết) và bà T, sinh năm 1972; chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 22.9.2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và ngày 03.4.2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 08 năm 06 tháng tù (chấp hành xong hình phạt ngày 09.3.2012); Ngày 10.9.2013, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 30.8.2017);

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28.01.2019, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định xử phạt 42 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt, tạm giam ngày 29.01.2018; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. P, sinh năm 1986 tại QN; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: T, sinh năm 1949 và bà K, sinh năm 1947; đã ly hôn và có 01 con;

Tiền án: Ngày 24.11.2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (chấp hành xong hình phạt ngày 04.8.2017);

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30.5.2006, bị Tòa án nhân dân TP.Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 28.01.2019, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị truy nã, ra đầu thú và bị bắt, tạm giam ngày 03.7.2018; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. T, sinh năm 1976 tại BĐ; nơi cư trú: Số nhà X đường Y, TP.Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tr, sinh năm 1943 và bà Kh, sinh năm 1955; vợ: L, sinh năm 1978 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27.01.2018, Đội cảnh sát hình sự Công an TP.Q tuần tra tại đoạn đường trước quán nhậu V thuộc phường G, TP.Q phát hiện B và P đang bán xe mô tô Honda SH Mode màu đỏ, không gắn biển số cho T nên tiến hành kiểm tra đã giữ được B cùng xe mô tô SH Mode có giấu biển số xxxx trong cốp xe và xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số zzzz. P bỏ trốn và ngày 03.7.2018 đã đến Công an TP.Q đầu thú.

B và P quen biết nhau trong thời gian chấp hành án phạt tù tại Trại giam K. Sau khi chấp hành xong, B trở về địa phương nhưng không nghề nghiệp nên đã rủ P thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn TP.Q và huyện P, tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 25.12.2017, B thấy xe Yamaha Sirius biển số yyyy của anh Tg dựng trên vỉa hè trước nhà số aa đường T, TP.Q không có người trông coi nên đến dắt xe này đi một đoạn, rồi đấu dây điện khởi động xe, điều khiển xe chạy đi. Sau đó, B mang xe đến bán cho một tiệm mua bán xe cũ trên địa bàn TP.Q, do xe không có giấy đăng ký quyền sở hữu nên chủ hiệu không mua mà cho B số điện thoại ssssssss của T để B liên lạc bán xe. B dùng số điện thoại zzzzzzzz liên lạc với số thuê bao của T để bán xe nhưng T bảo không mua xe số, chỉ mua xe tay ga nên B mua biển số tại một cửa hàng mua bán xe máy cũ gắn vào xe sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP.Q kết luận: xe mô tô Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số yyyy trị giá 13.000.000đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 11.01.2018, B điện thoại cho P rủ vào TP.Q đi trộm xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài, P đồng ý và đón xe vào TP.Q. Khoảng 12 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô đến Bến xe Q đón P. Tại đây, B đưa cho P 01 đoạn phá khóa rồi chở P đi tìm xe mô tô để lấy trộm. Khi đến trước nhà aaa

đường P, TP.Q, cả hai thấy xe mô tô Honda SH Mode màu đỏ, biển số xxxxxx của vợ chồng anh Th và chị H dựng trước nhà, không có người trông coi nên B quay xe lại đứng cạnh giới để P bẻ khóa trộm xe. P khởi động xe chạy đi còn B chạy xe Sirius theo sau. Trên đường đi, B gọi điện cho T để bán xe, T hẹn đến dốc QH thuộc phường G, TP.Q để giao dịch. Sau đó, B, P đã bán xe mô tô trộm cắp được cho T với giá 12.000.000đồng.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP.Q kết luận: xe mô tô Honda SH Mode, màu đỏ-đen, biển số xxxxxx trị giá 39.333.333đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 13 giờ ngày 11.01.2018, B tiếp tục điều khiển xe mô tô chở Phúc tìm xe mô tô để lấy trộm. Khi đến số ccc đường L, TP.Q, P thấy 01 xe mô tô Honda SH Mode màu trắng nâu, biển số yyyyyy của chị L dựng trước nhà không có người trông coi nên B dừng lại cạnh giới còn P đi vào bẻ khóa, khởi động xe chạy đi, B điều khiển xe mô tô theo sau. Trên đường đi, B gọi điện cho T để bán xe, T hẹn đến dốc QH thuộc phường G để giao dịch. Sau đó, B, P đã bán xe mô tô trộm cắp được cho T với giá 12.000.000đồng.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP.Q kết luận: xe mô tô Honda SH Mode, màu trắng-nâu, biển số yyyyyy trị giá 40.000.000đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 17 giờ ngày 11.01.2018, P điều khiển xe mô tô chở B về QN. Đến khoảng 18 giờ, cả hai đến huyện P thì B thấy xe mô tô Honda SH Mode màu trắng nâu, biển số aaaaa của chị H, dựng trước sân tiệm vàng K không có người trông coi nên P dừng lại cạnh giới còn B đi đến dùng đoản phá khóa, trộm xe rồi cả hai chạy về QN. Ngày 12.01.2018, B gọi điện cho T để bán xe, T hẹn đến dốc QH thuộc phường G để giao dịch. Sau đó, B, P đã bán xe mô tô trộm cắp được cho T với giá 12.000.000đồng.

Ngày 05.3.2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Xe mô tô Honda SH Mode, màu trắng nâu, biển số aaaaa trị giá 43.000.000đồng.

Sáng ngày 12.01.2018, K đến cửa hàng kinh doanh xe mô tô của T tại X đường Y, phường T, TP.Q hỏi mua xe mô tô đã qua sử dụng thì được T giới thiệu xe mô tô Honda SH Mode màu trắng nâu, không gắn biển số (xe của chị L bị mất vào ngày 11.01.2018) và báo giá 16.000.000đồng. K hỏi nguồn gốc xe, giấy chứng nhận đăng ký và biển số thì T nói nguồn gốc xe là do T mua thanh lý, giấy tờ, biển số khoảng 01 tuần sau sẽ có nên K đồng ý mua. T đem xe mô tô này đến quán cà phê ở số ee đường kk, TP.Q giao cho K và nhận 16.000.000đồng. Chiều cùng ngày, D đến quán cà phê ở số ee đường kk, TP.Q nên K có nói với D mới mua xe giá rẻ, hỏi D có mua về sử dụng không. D đồng ý mua nên K đã bán lại xe mô tô này cho D với giá 18.000.000đồng và hứa khi nào T giao giấy tờ xe sẽ giao lại cho D.

Sáng ngày 13.01.2018, K gọi điện cho T hỏi mua xe mô tô. T báo cho K biết có xe Honda SH Mode màu trắng nâu giống như xe đã mua ngày hôm trước, K đồng ý mua với giá 16.000.000đồng. T mang xe mô tô này đến quán cà phê đối diện Chung cư S ở phường N giao cho K và nhận số tiền 16.000.000đồng. Ngày

14.01.2018, K gặp D tại quán cà phê ở số ee đường kk, TP.Q và nói cho D biết mới mua một xe mô tô như hôm trước và hỏi D có muốn mua không; do đã có xe nên D giới thiệu cho T mua xe với giá 18.000.000đồng.

Chiều ngày 13.01.2018, T gọi điện báo cho K biết có 01 xe mô tô Honda SH Mode màu đỏ (xe của anh Th và chị H bị mất ngày 11.01.2018), giá 16.000.000đồng. K đồng ý mua nên trưa ngày 14.01.2018, T mang xe mô tô này đến chung cư S giao cho K. Cùng lúc này, vợ chồng anh Th và chị H đến thăm họ hàng ở chung cư, chị H thấy trong sân chung cư có xe giống như xe của mình bị mất trộm nên báo anh Th đến báo cho Công an phường N đến tạm giữ, còn chị ngồi lại trên xe đợi. Khi gặp T, chị H hỏi T mua xe này lâu chưa, T nói xe mua lâu rồi, của bạn mua đưa cho đi chứ T không mua. Khi Công an phường N đến T nói không biết xe của ai rồi đi tắc xi về nhà. Công an phường N đã bàn giao xe mô tô này cho Cơ quan CSĐT Công an TP.Q để xử lý.

Quá trình điều tra, B và P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. T không thừa nhận mua 03 xe mô tô Honda SH Mode biển số của B và P rồi bán lại cho K để hưởng lợi. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của B, P, K, vật chứng đã thu giữ trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan, có đủ cơ sở để xác định T biết rõ 03 xe Honda SH Mode là do B, P phạm tội mà có, đem bán vào các ngày 11 và 12.01.2018 tại dốc QH, TP.Q nhưng vẫn mua với giá 36.000.000đồng rồi bán các xe mô tô này lại cho K vào các ngày 12, 13 và 14.01.2018 với giá 48.000.000đồng để hưởng lợi.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 178/2019/HS-ST ngày 20.12.2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo B, P phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ: Điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo B 05 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 01/2019/HS-ST ngày 28.01.2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29.01.2018.

Căn cứ: Điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm h, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo P 03 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 01/2019/HS-ST ngày 28.01.2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03.7.2018.

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo T 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày

bị cáo bị bắt thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

- Ngày 23.12.2019, bị cáo T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì bị cáo không phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khiếu nại việc tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đọc bản án xử phạt bị cáo T là 02 năm tù, nhưng khi nhận được bản án lại ghi là 03 năm tù.

- Ngày 24 và 31.12.2019, bị cáo P, B kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị quan điểm giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo B rủ rê bị cáo P cùng đi trộm cắp; hai bị cáo B và P bàn bạc thống nhất chuẩn bị công cụ, phương tiện, phân công nhau người này cảnh giới, người kia lấy trộm và 02 bị cáo đã lén lút lấy trộm 03 xe mô tô, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 122.333.333đồng. Riêng bị cáo B trộm cắp thêm 01 xe mô tô trị giá 13.000.000đồng nên tổng giá trị tài sản bị cáo B trộm cắp là 135.333.333đồng. Các bị cáo khai nhận đã liên lạc và bán 03 xe mô tô trộm cắp được cho người có số điện thoại sssssss. Bị cáo T thừa nhận số điện thoại là của bị cáo nhưng bị cáo không mua xe của các bị cáo B và P, bản án sơ thẩm đã kết tội oan bị cáo.

Đồng thời bị cáo T cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đọc bản án xử phạt bị cáo là 02 năm tù, nhưng khi nhận được bản án lại ghi là 03 năm tù nên đề nghị HĐXX xem xét hủy bản án sơ thẩm vì bị cáo không phạm tội và ra bản án không đúng với hình phạt đã tuyên tại phiên tòa.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên chấp nhận. Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khiếu nại việc tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đọc bản án xử phạt bị cáo T là 02 năm tù nên trong các đơn khiếu nại kêu oan bị cáo đều ghi bị xử phạt là 02 năm tù nhưng khi nhận được bản án lại ghi là 03 năm tù, do đó bị cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Các bị cáo P và B đều xác nhận tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đọc bản án xử phạt bị cáo T là 02 năm tù.

Hội đồng xét xử xét thấy vấn đề bị cáo T khiếu nại là có căn cứ. Xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo T. Do đó hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 178/2019/HS-ST ngày 20.12.2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q để xét xử lại.

Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên HĐXX không xem xét kháng cáo của các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 178/2019/HS-ST ngày 20.12.2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS CA TP.Q;
- TA, VKS, CA TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Sở tư pháp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình